

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trong trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn (1)										
14	Trần Hoàng Long		14/03/2009	11A4	Mường	Thôn Bun Ngai, (Xã Sa Loong) Xã Sa Loong	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
31	Trường THCS và THPT Ngô Mây (52 học sinh)						52	-	-	-	936.000	360.000	15	9	438.048.000	168.480.000	7.020	-
1	Y Giảng	x	16/11/2010	10C1	BaNa	Thôn Kroong Klah (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
2	Y Hạnh	x	18/09/2010	10C1	Rơ Ngao	Thôn Đắk Wót (Xã Hơ Moong), Xã Sa Bình	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
3	Y Chay	x	06/11/2010	10C1	Xơ Đăng	Thôn Đắk Mạnh II (Xã Đắk Rơ Nga), Xã Ngọc Tú	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
4	Y Như Nguyệt	x	04/01/2010	10C1	Xơ Đăng	Thôn Kon Pia (Xã Đắk Hà), Xã Tu Mơ Rông	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
5	Y Hằng	x	24/12/2010	10C1	Rơ Ngao	Thôn Kroong Ktu (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
6	Y Lia	x	12/12/2010	10C1	Rơ Ngao	Thôn Kroong Ktu (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
7	Y Hạnh	x	21/01/2010	10C1	Rơ Ngao	Thôn Kroong Ktu (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
8	A Đăng		18/11/2010	10C1	Rơ Ngao	Thôn Kroong Ktu (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
9	Y Hoai	x	26/08/2010	10C1	Rơ Ngao	Thôn Kroong Ktu (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
10	A Toàn		07/04/2010	10C2	Rơ Ngao	Thôn Kroong Ktu (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
11	Y Phúc Trang	x	12/07/2010	10C2	Xơ Đăng	Thôn Kon Pia (Xã Đắk Hà), Xã Tu Mơ Rông	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
12	Y Như	x	28/02/2010	10C2	Rơ Ngao	Thôn Kroong Ktu (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
13	Y Sen	x	26/05/2010	10C2	Rơ Ngao	Thôn Đắk Wót (Xã Hơ Moong), Xã Sa Bình	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
14	Y Xuyên	x	05/09/2010	10C2	BaNa	Thôn 8(Kon Trang Mơ Nây, Xã Đắk La),Xã Đắk Hà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
15	A Ta My Khoa		29/09/2010	10A1	Xơ Đăng	Thôn Đắk Mạnh I (Xã Đắk Rơ Nga), Xã Ngọc Tú	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
16	Y Ngun	x	05/04/2010	10A2	Rơ Ngao	Thôn 8(Kon Trang Mơ Nây, Xã Đắk La),Xã Đắk Hà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
17	Y Cam	x	06/01/2009	11A1	Rơ Ngao	Thôn 8(Kon Trang Mơ Nây, Xã Đắk La),Xã Đắk Hà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
18	Y Nương	x	17/05/2009	11A1	Giê-Triêng	Thôn Đắk Túc (Xã Đắk Kroong), Xã Đắk Môn	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
19	Y Sê Ka	x	27/04/2009	11A1	Giê-Triêng	Thôn Đắk Túc (Xã Đắk Kroong), Xã Đắk Môn	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
20	A Nhã		13/08/2008	11A2	BaNa	Thôn Kroong Ktu (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
21	A Vê		01/09/2009	11A2	BaNa	Thôn Kroong Klah (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
22	Y Hằng	x	17/09/2009	11A2	BaNa	Thôn Kroong Ktu (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
23	Y Ly Thu	x	17/11/2009	11A2	BaNa	Thôn Đắk Wót (Xã Hơ Moong), Xã Sa Bình	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
24	Y Trư	x	08/08/2009	11A2	Xơ Đăng	Thôn Kon Bơ Băn (Xã Ngọc Réo), Xã Ngọc Réo	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
25	Y Hồng	x	20/11/2009	11A2	Xơ Đăng	Thôn Kon Bơ Băn (Xã Ngọc Réo), Xã Ngọc Réo	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
26	Y Huỳnh	x	15/01/2009	11B1	Rơ Ngao	Thôn 8(Kon Trang Mơ Nây, Xã Đắk La),Xã Đắk Hà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
27	Y Wach	x	01/10/2009	11B2	BaNa	Thôn 8(Kon Trang Mơ Nây, Xã Đắk La),Xã Đắk Hà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
28	Y Nữ	x	09/05/2009	11C	BaNa	Thôn Đắk Wót (Xã Hơ Moong), Xã Sa Bình	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
29	Y Liên	x	03/06/2009	11C	BaNa	Thôn Kroong Klah (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
30	Y Thử	x	23/05/2009	11C	Xơ Đăng	Thôn Đắk Mạnh II (Xã Đắk Rơ Nga), Xã Ngọc Tú	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
31	Y Ngân	x	25/06/2009	11C	Xơ Đăng	Thôn Kon Pring(Xã Ngọc Tú), Xã Ngọc Tú	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
32	Y Nhi	x	21/05/2009	11C	Xơ Đăng	Thôn Đắk Mạnh I (Xã Đắk Rơ Nga), Xã Ngọc Tú	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
33	A Tú		28/05/2008	12A2	Xơ Đăng	Thôn Đắk Mạnh I (Xã Đắk Rơ Nga), Xã Ngọc Tú	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
34	Siu Thị Quỳnh Anh	x	17/04/2008	12A2	BaNa	Thôn 8(Kon Trang Mơ Nây, Xã Đắk La),Xã Đắk Hà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
35	A Vương		28/07/2008	12A3	Xơ Đăng	Thôn Đắk Rô (Xã Đắk Trăm), Xã Kon Đào	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
36	Y My Na Ra	x	22/10/2008	12A3	Xơ Đăng	Thôn Đắk Mạnh I (Xã Đắk Rơ Nga), Xã Ngọc Tú	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	



TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày sinh	Lớp	Dân tộc	Nơi thường trú: Thôn (xã trước khi sáp nhập), Xã mới, Quảng Ngãi □	Đối tượng hưởng		Con hộ nghèo (1)	Ở bán trú trường (1)	Tiền ăn Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Tiền ở Được hỗ trợ/tháng (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /tháng (kg)	Số tháng	Tiền ăn Được hỗ trợ/Năm (Đồng)	Tiền ở được hỗ trợ/ năm (Đồng)	Gạo Được hỗ trợ /năm (kg)	Ghi Chú
							Nhà ở xa trường (1)	nhà ở Địa hình cách trở, giao thông Đi lại khó khăn (1)										
37	A Hoàng		05/07/2008	12B	Xơ Đăng	Thôn Đắk Tông (Xã Ngọc Tu), Xã Ngọc Tu	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
38	A Chia		23/05/2008	12B	Xơ Đăng	Thôn Đắk Mạnh II (Xã Đắk Rơ Nga), Xã Ngọc Tu	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
39	Y Tuyết	x	08/12/2008	12B	Xơ Đăng	Thôn Đắk Kon (Xã Đắk Rơ Nga), Xã Ngọc Tu	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
40	Y Thế	x	01/08/2008	12B	Xơ Đăng	Thôn Đắk Túc (Xã Đắk Kroong), Xã Đắk Môn	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
41	Y Quyết	x	28/02/2008	12B	Xơ Đăng	Thôn Đắk Xanh (Xã Văn Lem), Xã Kon Đào	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
42	Y Tím	x	30/03/2008	12B	Giê-Triêng	Thôn Đắk Túc (Xã Đắk Kroong), Xã Đắk Môn	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
43	Y Tầm	x	20/09/2008	12B	Gia Rai	Thôn Ká Bẫy (Xã Sa Bình), Xã Sa Bình	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
44	Y Ru	x	12/10/2008	12C1	Rơ Ngao	Thôn 8(Kon Trang Mơ Nây, Xã Đắk La),Xã Đắk Hà	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
45	Y Thuyền	x	06/11/2008	12C1	Gia Rai	Thôn Ká Bẫy (Xã Sa Bình), Xã Sa Bình	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
46	KIZi Dâm Vương		16/02/2008	12C1	Rơ Ngao	Thôn Kroong Klah (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
47	Y Nguy	x	21/09/2008	12C1	Rơ Ngao	Thôn Kroong Klah (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
48	Y Hóa	x	13/03/2008	12C2	Rơ Ngao	Thôn Kroong Klah (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
49	Y Dung	x	01/07/2008	12C2	Rơ Ngao	Thôn Kroong Klah (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
50	Siu Chiến	x	15/08/2008	12C2	Gia Rai	Thôn Kroong Ktu (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
51	Y Liên	x	19/07/2008	12C2	Rơ Ngao	Thôn Kroong Klah (Xã Kroong), Xã Ngọc Bay	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
52	Y Bích	x	17/01/2008	12C2	Xơ Đăng	Thôn Đắk Mạnh II (Xã Đắk Rơ Nga), Xã Ngọc Tu	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
32	Trường THPT Trường Chinh (66 học sinh)						59	7	2	-	936.000	360.000	15	9	555.984.000	213.840.000	8.910	
1	Y Dịch	x	24/04/2010	10C1	Xơ Đăng	Thôn Hnăng (xã Đắk Tờ Kan), xã Đắk Tờ Kan	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	
2	Y Deng	x	14/06/2010	10C1	Xơ Đăng	Thôn Đắk Klong (xã Đắk Hring), xã Đắk Mar	1				936.000	360.000	15	9	8.424.000	3.240.000	135	